

1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

1.1. Thông tin chung về Dự án.

Nam Định là trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, có vị thế rất thuận lợi để kết nối với thủ đô Hà Nội, các trung tâm kinh tế. Nam Định có nguồn lao động trẻ, dồi dào. Hệ thống giao thông được đầu tư đồng bộ, kết hợp đường sắt, đường thủy tạo thành mạng lưới giao thông vận tải liên hoàn, đủ điều kiện tổ chức vận tải đa phương thức tới mọi vùng miền trong nước và quốc tế. Hiện nay hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Nam Định đã phát triển mạnh, trở thành khu vực kinh tế năng động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chuyên dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Hiện nay tỉnh Nam Định đang thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp trong và ngoài nước với nhiều loại hình kinh tế sản xuất, kinh doanh dịch vụ mang lại hiệu quả cao.

Công ty Cổ phần Sơn My SKILL được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 0601110550 lần đầu ngày 15/3/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp. Nắm bắt nhu cầu của thị trường và mục tiêu xây dựng nhà máy phối trộn sơn chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường về dòng sơn giá thành phải chăng, chất lượng tốt, Công ty quyết định đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL” tại xã Hiên Khánh, huyện Vụ Bản với công suất 95 tấn sản phẩm/năm. Diện tích thực hiện dự án khoảng 1,64 ha trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 1,44 ha của các hộ dân; đất do UBND xã Hiên Khánh quản lý 0,2 ha gồm đất giao thông và đất thủy lợi.

Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn MY SKILL” đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Văn bản số 345/UBND-VP3 ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương cho Công ty nghiên cứu, khảo sát lập thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL tại xã Hiên Khánh, huyện Vụ Bản và Văn bản số 425/UBND-VP3 ngày 16/6/2022 về việc chấp thuận cho Công ty CP sơn My Skill nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình cá nhân, cá nhân tại xã Hiên Khánh, huyện Vụ Bản để thực hiện dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án sẽ phát sinh các tác động đến môi trường trong vùng bao gồm môi trường tự nhiên (môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất) và môi trường xã hội. Như vậy việc lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nhằm phân tích các tác động sẽ diễn ra trong quá trình chuẩn bị dự án, quá trình dự án đi vào hoạt động cũng như khi dự án ngừng hoạt động và đề ra các biện pháp giảm thiểu các tác động đó.

Căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 3 Điều 35 Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Điểm đ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022 và mục số 6 Phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số

08/2022/NĐ-CP thì dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và UBND tỉnh Nam Định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM theo quy định.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL” tại xã Hiên Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định của Công ty Cổ phần Sơn My SKILL là dự án mới và phù hợp với các quy hoạch sau:

+ Quyết định số 2341/QĐ-TTg ngày 02/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

+ Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Vụ Bản.

+ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Vụ Bản.

2. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM:

*** Về lĩnh vực bảo vệ môi trường:**

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT (Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
 - Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
 - Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.
 - Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
 - Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
 - Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
 - Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.
 - Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
 - Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
- * Về lĩnh vực tài nguyên nước.**
- Luật tài nguyên nước 2012.
 - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
 - Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
 - Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;
 - Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
 - Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.
 - Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

- TCXDVN 33:2006 cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đất đai.**

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai.

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

- Quyết định số 1970/2020/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng.**

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13.

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/ 11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị.
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị.
- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.
- Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị.

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.
- Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về Quản lý chất thải rắn xây dựng.
- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng.
- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định 44/2016 ngày 15/5/2016 về quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 16/10/2016 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.
- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.
- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Nam Định.
- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

- Quy chuẩn 07-2016/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

*** Về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy**

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 3890:2009 – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng.

- TCVN 33:2006/BXD về Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai.**

- Luật Thủy lợi năm 2017;

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Luật số 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17/6/2020;

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định pháp lý liên quan.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn thực phẩm.**

- Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 124/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động.**

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

- Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công Thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy móc, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

*** Căn cứ pháp lý về lĩnh vực hóa chất.**

- Luật hóa chất năm 2007.
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ Quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2018/TT-BCT ngày 28/12/2017 quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 Quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.
- TCVN 1364-74 Các chất độc hại. Phân loại và yêu cầu chung về an toàn.
- * **Các quy chuẩn áp dụng trong báo cáo.**
- + QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;.
- + QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.
- + QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- + QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.
- + QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

- Thông báo số 512/B-TU ngày 16/5/2022 của Tỉnh ủy Nam Định về việc thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương nghiên cứu khảo sát lập

thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My Skill tại xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản.

+ Văn bản số 345/UBND-VP3 ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương cho Công ty nghiên cứu, khảo sát lập thủ tục đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL tại xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản.

+ Văn bản số 425/UBND-VP3 ngày 16/6/2022 về việc chấp thuận cho Công ty CP sơn My Skill nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của các hộ gia đình cá nhân, cá nhân tại xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản để thực hiện dự án.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án *Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn MY SKILL*

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án *Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn MY SKILL*

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

-Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa – xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp Chủ Dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

- Nội dung và cấu trúc:

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3.2. Thông tin về Cơ quan tư vấn lập báo cáo ĐTM:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần công nghệ môi trường 86

Địa chỉ: Số 53/114 đường Giải Phóng, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Điện thoại: 0918.986838

Giám đốc: **Ông. Vũ Tường Nhân**

Danh sách những người trực tiếp tham gia lập báo cáo ĐTM:

I. Chủ dự án		
1	Bà Lê Thị Giáng Hương	Giám đốc công ty <i>Phụ trách: Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện báo cáo</i>
II. Cơ quan tư vấn		
1	Ông: Vũ Tường Nhân	Kỹ sư Công nghệ môi trường <i>Phụ trách: Tổng hợp hoàn thiện báo cáo</i>
2	Ông: Phùng Kim Quý	Kỹ sư Thủy Lợi <i>Phụ trách: Nội dung phần mở đầu và chương I thông tin về dự án.</i>
3	Ông: Lê Quang Chiến	Kỹ sư Thủy văn môi trường <i>Phụ trách: Nội dung chương II Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án</i>
4	Bà: Vũ Thị Nga	Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường <i>Phụ trách: Nội dung chương III báo cáo Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường</i>
5	Ông: Đặng Văn Chuân	Cán bộ kỹ thuật <i>Phụ trách: Nội dung chương IV báo cáo. Chương trình quản lý và giám sát môi trường</i>
6	Bà: Doãn Thị Thanh	Cán bộ kỹ thuật <i>Phụ trách: Nội dung chương V. Kết quả tham vấn và Kết luận, kiến nghị và cam kết</i>

4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Các phương pháp ĐTM:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (áp dụng tại chương I của báo cáo): sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp so sánh: đánh giá chất lượng môi trường trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn / quy chuẩn môi trường liên quan.

- Phương pháp nhận dạng (áp dụng tại chương II của báo cáo):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết;

- Phương pháp đánh giá nhanh (áp dụng tại chương III của báo cáo): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn,... do tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, nước dưới đất, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương 2 của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương 2, 3 của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

Phương pháp tham vấn cộng đồng: Sử dụng trong quá trình điều tra thực địa tại khu vực chịu tác động bởi Dự án. Tiến hành họp lấy ý kiến của lãnh đạo của chính quyền địa phương cũng như của người dân xung quanh khu vực thực hiện dự án, nhằm xác định những tác động mà dự án gây ra, đồng thời chủ dự án cũng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết.

5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

*** Thông tin chung:**

Tên dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL

Địa điểm thực hiện dự án: xã Hiền Khánh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Chủ dự án: Công ty CP sơn My SKILL;

Người đại diện: Bà Lê Thị Giáng Hương; Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên hệ của chủ dự án: thôn 4, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

*** Phạm vi, quy mô, công suất:**

(1). Phạm vi của dự án.

- Khu đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL có diện tích 1,63ha với vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đường quy hoạch

+ Phía Tây giáp Tỉnh lộ 486B

+ Phía Bắc và Nam giáp đất quy hoạch sản xuất kinh doanh.

(2). Quy mô dự án:

Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL được triển khai tại xã Hiến Khánh, huyện Vụ Bản với quy mô công suất 95 tấn sản phẩm/năm.

(3). Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

(3.1). Các hạng mục công trình của dự án:

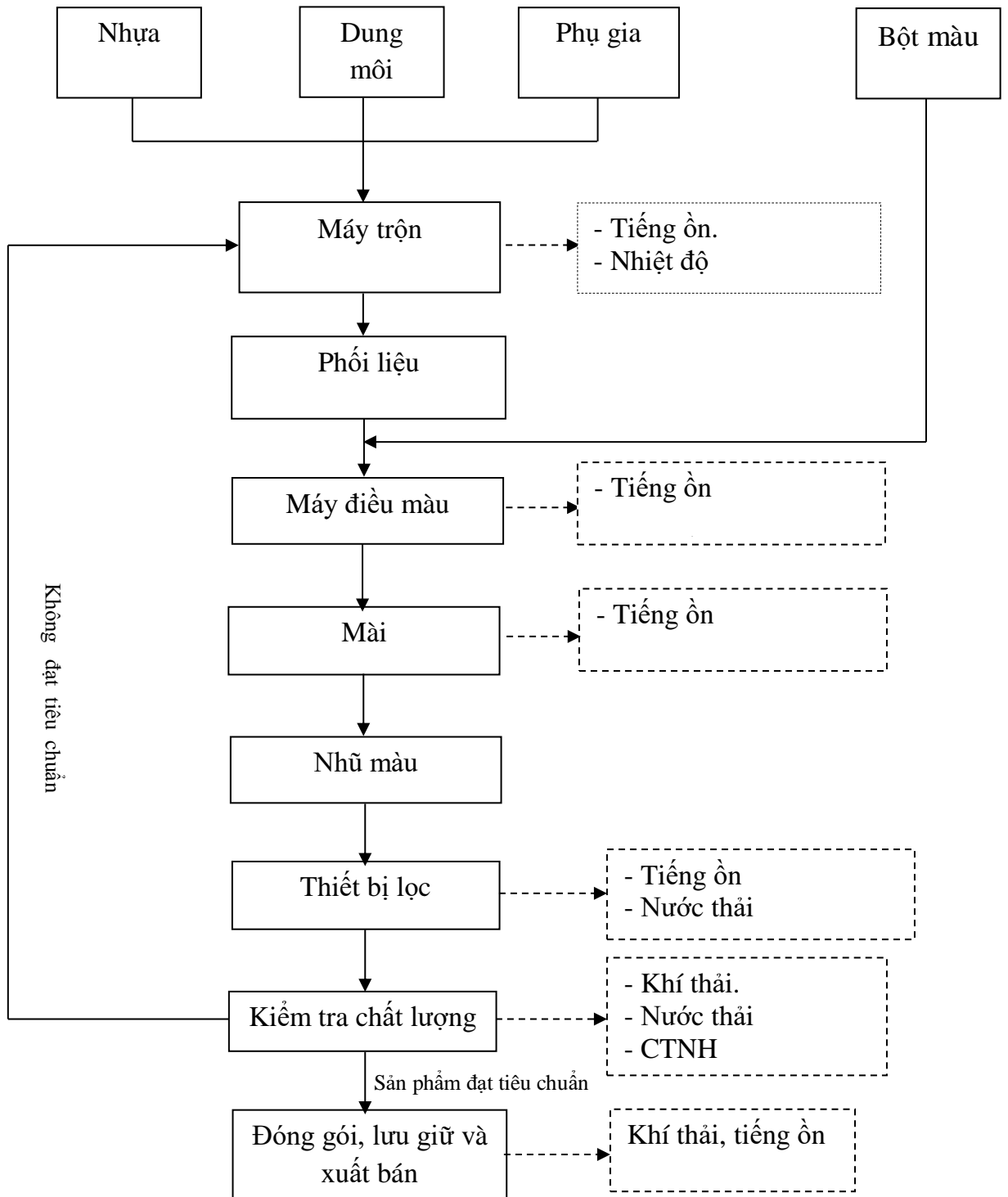
Bảng 1. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án

TT	Tên hạng mục	Số tầng	Diện tích (m ²)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục công trình chính				
1	Nhà xưởng sản xuất (03 nhà)	01 tầng	2.592/nhà xưởng	7.776	
II	Hạng mục công trình phụ trợ				
1	Nhà bảo vệ	01	16	16	
2	Nhà điều hành	02	206	412	
3	Nhà ăn ca	1	100	100	
4	Nhà để xe số 1	1	36	36	
5	Nhà để xe số 2	1	90	90	
6	Nhà vệ sinh	1	24	24	
7	Hệ thống cấp điện				
8	Hệ thống cấp nước				
9	Hệ thống phòng cháy chữa cháy				
10	Hệ thống chống sét				
11	Hồ điều hoà	1	537		
12	Sân đường nội bộ				
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	1HT			
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải				
3	Hệ thống xử lý nước		75		

	thải tập trung				
4	Hệ thống xử lý hơi mùi khí thải	3 HT			
5	Nhà kỹ thuật	1	72		
5.1	Kho chứa chất thải nguy hại	1	50		
5.2	Kho chứa rác thải công nghiệp	1	11		
5.3	Kho chứa rác thải sinh hoạt	1	11		
6	Cây xanh (tỷ lệ 20%)		3.260		
III	Diện tích hành lang an toàn đường bộ		397,4		

(3.2). Quy trình công nghệ của dự án:

Dự án hoạt động trong lĩnh vực phối trộn các sản phẩm về sơn với quy trình công nghệ của dự án như sau:



Ghi chú:

Đường công nghệ →

Đường dòng thải ----->

Thuyết minh:

Do đặc tính của sản phẩm là sơn đặc nên dự án sử dụng các loại dung môi hữu cơ sử dụng cho hoạt động sản xuất của dự án gồm nhựa CPVC dạng mảnh nhỏ vụn hoặc nhựa Vinyl Chloride vinyl dạng lỏng cùng với các dung môi hữu cơ như butyl acetate, acetone, butanol, 2-Butanone, Dimethoxymethane, Ethyl alcohol,... Ngoài ra, trong quá trình phối trộn, Chủ dự án sẽ sử dụng một số chất phụ gia như Talcum powder (phụ gia chống mài mòn, tạo bề mặt), CaCO_3 (kéo dài các loại sơn), Matting agent (tăng tính chống thấm nước)..... Toàn bộ nguyên liệu dùng cho quá trình sản xuất được công ty mua từ Trung Quốc. Tùy theo yêu cầu của từng loại sản phẩm công ty sẽ lựa chọn loại nhựa, dung môi và chất phụ gia với tỷ lệ pha trộn tương ứng. Để đảm bảo chất lượng cho sản phẩm, các loại nguyên liệu được cân đong, tỷ lệ pha trộn giữa nhựa với các dung môi và chất phụ gia phải tuân thủ theo một đơn pha chế có sẵn cho từng loại. Đồng thời đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động các loại dung môi lựa chọn để pha trộn không gây hiện tượng cháy nổ.

Nhựa CPVC dạng mảnh nhỏ vụn cùng với các loại dung môi, chất phụ gia từ các thùng chứa được hút theo đường ống kín về máy trộn. Trong quá trình này người vận hành phải thực hiện đúng quy định nạp liệu theo thứ tự, loại nào cho vào trước, cho đúng, đủ số lượng. Tốc độ của cánh khuấy được nâng lên từ từ, sau khi cho hết nguyên liệu thì nâng tốc độ trong máy khoảng 500 vòng/phút. Máy khuấy vận hành trong thời gian 20 phút với mục đích hỗn hợp được trộn đều và trở nên đồng nhất về tính chất.

Sau đó phối liệu sẽ được hút theo đường ống kín về máy điều màu. Tại đây bột màu theo hòng hút vào trong máy và trộn đều với phối liệu 2 nhờ các cánh khuấy trong máy. Các cánh khuấy hoạt động với tốc độ khoảng 500 vòng/phút trong khoảng thời gian 20 phút sẽ tạo nên nhũ màu với màu sắc đặc trưng của sơn. Nhũ màu tiếp tục được hút theo đường ống kín đến máy mài (máy ba con lăn) để thực hiện công đoạn mài trong vòng 10 phút. Người vận hành sẽ cài đặt thông số kỹ thuật của các hạt nhũ màu để điều chỉnh khe hở của các con lăn trong máy mài. Tùy theo thông số cài đặt mà quá trình mài cho ra các hạt nhũ màu dạng rắn có kích thước khác nhau.

Sau quá trình mài, các hạt nhũ màu được hút theo ống hút kín về dẫn qua thiết bị lọc. Trong thiết bị có các lưới lọc với các mắt lưới có kích cỡ 150inch với mục đích giữ lại bã sơn chưa trộn kỹ trong hỗn hợp và thu được sơn thành phẩm. Các bã sơn sẽ được định kỳ lấy thủ công ra ngoài và được quản lý như CTNH.

Sản phẩm sau khi lọc lấy mẫu để kiểm tra độ nhớt, tỷ trọng, và tính chất các loại kim loại nặng độ độc hại bằng các thiết bị kiểm tra chất lượng. Nếu các thông số kiểm tra chưa đạt yêu cầu thì tùy theo kết quả kiểm tra để bổ sung nguyên liệu hoặc phối trộn lại. Nếu sản phẩm đã đạt yêu cầu thì sản phẩm sẽ theo ống hút kín dẫn về máy bơm áp lực để bơm rót sản phẩm vào các thùng chứa có thể tích 5l, 10l...theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Sản phẩm cuối cùng được chuyển sang công đoạn dán nhãn mác và lưu giữ tại kho chứa sản phẩm trước khi xuất bán.

Với mục tiêu là xây dựng nhà máy phối trộn sơn chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường về dòng sơn giá thành phải chăng, chất lượng tốt. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh bụi, hơi mùi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên chủ dự án sẽ đầu tư các công trình, biện pháp xử lý môi trường đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường và không ảnh hưởng tới môi trường khu vực xung quanh dự án.

(4). Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn My SKILL” là dự án có yếu tố nhạy cảm do có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 1,59 ha.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường:

TT	Hoạt động	Các hạng mục công trình	Các tác động xấu đến môi trường
I	<i>Giai đoạn thi công xây dựng</i>		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động bóc tách tầng đất mặt. - Hoạt động san lấp mặt bằng. - Hoạt động thi công xây dựng cơ sở hạ tầng. - Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng - Hoạt động sinh hoạt của công nhân tham gia thi công 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống giao thông. - Hệ thống thoát nước mưa và nước thải. - Hệ thống cấp nước sạch. - Hệ thống cấp điện,.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi đất đá, tiếng ồn, khí thải độc hại (CO, NOx, SO₂, CxHy,...) - Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công, nước thải từ hoạt động san lấp mặt bằng. - Chất thải rắn như vỏ bao, gạch vỡ, gỗ, cốppha hỏng thải...

			<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn sinh hoạt - CTNH như dầu thải, giẻ lau dính dầu,... - Tiếng ồn - Các vấn đề xã hội khác.
II Giai đoạn vận hành			
1	Hoạt động sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi hơi mùi khí thải - Nước thải - Chất thải rắn - Chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải, hơi mùi phát sinh từ hoạt động sản xuất, hoạt động nấu ăn; từ hệ thống điều hòa, từ khu xử lý nước thải... - Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị; từ hoạt động vệ sinh bề hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải - Chất thải rắn bao gồm: Rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất
2	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên - Hoạt động giao thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt - Chất thải sinh hoạt 	

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án:

5.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng Dự án

* Bụi và khí thải:

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, san lấp mặt bằng, hoạt động bốc dỡ, đảo trộn, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,...

- Khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: khí SO₂, CO_x, NO_x, Hydrocacbon...

+ Khí thải phát sinh do quá trình rải và phun nhựa đường với thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Hơi dầu, hắc ín, CO, H₂S...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH₄, NH₃, H₂S,...

** Nước thải:*

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công... Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát xây dựng, dầu mỡ. Lượng phát sinh khoảng 1 m³/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công: 3 m³/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm chính là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật gây bệnh.

** Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân tham gia thi công chủ yếu là giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,... khoảng 12 kg/ngày=0,012 tấn/ngày.

- Chất thải rắn thông thường: Bao gồm đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốppha, dây thừng, thùng chứa,... phát sinh trong quá trình xây dựng.

- Chất thải nguy hại: Bao gồm: Dầu mỡ rơi vãi, các giẻ lau dính dầu mỡ, lượng dầu mỡ thải từ các thiết bị, máy móc tham gia thi công, sơn thải, que hàn thải,... khoảng 100 kg/giai đoạn thi công xây dựng.

** Đất bóc tách từ tầng đất mặt đất trồng lúa 2 vụ:*

Nguồnphátsinh: Từ hoạt độngbóc tách đất hữu cơ từ đất lúa 02 vụ.

Tàilượng: Khối lượng đất bóc tách khoảng 3.180 m³

Tác động: Toàn bộ lượng đất hữu cơ bóc tách từ tầng đất lúa 02 vụ được tận dụng hết vào trồng cây xanh nên không phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường.

** Tiếng ồn, độ rung:*

- Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,.... quá trình trộn bê tông.

Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

** Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án

* Bụi, hơi mùi và khí thải:

- Từ hoạt động sản xuất:

Quy trình sản xuất được Chủ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất gồm máy trộn, máy điều màu, máy mài, thiết bị lọc...được thiết kế có nắp đậy kín bên trên. Hệ thống đường ống hút, dẫn từ máy móc thiết bị này sang máy móc thiết bị khác là đường ống kín bằng vật liệu không han gỉ. Các khớp nối giữa đường ống với máy móc thiết bị bố trí zoăng để đảm bảo kín toàn bộ. Hơi mùi khí thải hữu cơ chỉ phát sinh khi công nhân mở nắp thùng đựng nguyên liệu để đưa vào hệ thống sản xuất cũng như công đoạn lấy mẫu phân tích chất lượng sản phẩm và công đoạn vệ sinh máy móc thiết bị.

Thành phần: bụi sơn, hơi hóa chất và mùi sơn đặc trưng là khí VOC, khí benzen, toluen.

Tác động: Bụi, khí thải, hơi mùi phát sinh từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt gây ảnh hưởng tới sức khỏe người công nhân lao động tại công ty và môi trường xung quanh. Khi cơ thể con người tiếp xúc với bụi, khí thải tùy theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều hay ít có thể mắc bệnh hô hấp, bệnh viêm da, bệnh tiêu hóa. Khi tiếp xúc với các dung môi hữu cơ, vô cơ ở nồng độ cao vượt quá giới hạn cho phép dẫn đến nhiễm độc cấp tính.

- Từ hoạt động nấu ăn: Khi đốt cháy khí gas sinh ra NO_x , SO_2 , CO có nồng độ thấp.

- Từ các hoạt động giao thông vận tải: Khí thải phát sinh có thành phần chính bao gồm: NO_2 , SO_2 , CO_2 , hydrocacbon,...

- Từ khu lưu giữ chất thải, khu xử lý nước thải tập trung: Thành phần hơi mùi, khí thải gồm CH_4 , NH_3 , H_2S ... phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải, nước thải.

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong dự án 110 người thì lượng nước thải phát sinh khoảng 11 m³/ngày đêm. Thành phần chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ như: COD, BOD₅, Nitơ, photpho, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao và một số loại vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị với khối lượng phát sinh khoảng 1 m³/ngày.

* Tác động từ nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt chứa hàm lượng lớn các chất hữu cơ đặc trưng bởi các thông số dầu mỡ động thực vật, COD, BOD₅, N, P... nếu không được xử lý các chất ô

nhễm trong nước thải theo dòng nước phát tán ra xa với quy mô rộng gây ô nhiễm nguồn nước mặt, từ đó ô nhiễm môi trường đất, làm thay đổi tính chất của đất, hạn chế sự phát triển của các sinh vật sống trong đất, giảm sự phát triển và sinh trưởng của cây trồng.

- *Tác động từ nước thải sản xuất:* Trong nước thải sản xuất sơn chứa các chất tạo màng, bột màu, dung môi, các phụ gia biến tính và hóa dẻo có khả năng gây ô nhiễm với độ phân tán, độ bền nhiệt động học, hoạt tính hóa học cao, màu sắc, mùi vị đặc trưng và có độ độc cao.

+ *Ảnh hưởng đến sức khỏe con người:* Trong nước thải của ngành sản xuất sơn có chứa các hóa chất độc hại qua thời gian tích tụ và bằng con đường trực tiếp hay gián tiếp sẽ tồn đọng trong cơ thể con người gây các bệnh nghiêm trọng như viêm loét dạ dày, viêm đường hô hấp, eczima, ung thư... Ngoài ra các chất ô nhiễm trong nước thải ngành sơn nếu ngấm vào mạch nước ngầm sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nước sử dụng của người dân, gây tác động đến sức khỏe của con người.

+ *Ảnh hưởng đến môi trường:* Hàm lượng chất hữu cơ cao trong nước thải ngành sơn sẽ làm suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước. Các chất tạo màng, bột màu trong nước thải gây nên độ đục cao làm giảm khả năng tự làm sạch của nguồn tiếp nhận, gây hiện tượng ô nhiễm nguồn tiếp nhận. Đối với thủy sinh vật: Hàm lượng chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, độ đục trong nước thải ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của thực vật thủy sinh. Khi các chất rắn này lắng xuống đáy nước sẽ gây ra hiện tượng phân hủy kỵ khí, gây mùi hôi thối.

* *Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của dự án: $110 \times 0,8 = 88$ kg/ngày.

- Chất thải thông thường từ quá trình sản xuất gồm các loại chất thải không nhiễm sơn, chất độc hại như vỏ bao bì, túi nilong, vỏ thùng carton từ khu vực văn phòng,...

+ *Tải lượng:* Tham khảo quá trình hoạt động của các nhà máy trên địa bàn tỉnh Nam Định, ước tính khoảng 5kg/ngày..

- *Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất bao gồm:*

+ *Vỏ thùng nguyên liệu sản xuất (dung môi, phụ gia và bột màu) thải.*

+ *Hoạt động rửa tay nhiễm sơn, dung môi: nước có lẫn dung môi, chất phụ gia thải.*

+ *Công đoạn lọc sản phẩm. Thành phần: bã sơn thải.*

+ *Hoạt động thí nghiệm: Thành phần mẫu sản phẩm thải.*

- *Hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị sản xuất: nước có lẫn dung môi, chất phụ gia thải.*

- Hoạt động vệ sinh bề hấp thụ xử lý khí thải: bùn cặn, nước có lẫn dung môi, chất phụ gia thải.

- Hoạt động xử lý nước thải sinh hoạt: bùn cặn, lớp vật liệu lọc thải

- Hoạt động xử lý hơi, mùi khí thải: than hoạt tính thải.

- Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị: dầu thải, găng tay, giẻ lau dính dầu.....

- Hoạt động chiếu sáng khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất, hoạt động bảo dưỡng máy móc...: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu thải, găng tay, giẻ lau dính dầu.....

Khối lượng phát sinh ước tính **khoảng: 1600 kg/năm.**

* *Tiếng ồn, nhiệt độ:* Phát sinh chủ yếu từ khu vực xưởng sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động. Người lao động làm việc liên tục trong môi trường có nhiệt độ cao sẽ mệt mỏi

* *Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Cháy nổ, do công trình xuống cấp, thiên tai, sự cố hoá chất, sự cố an toàn lao động...

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

5.4.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn thi công xây dựng

- Chủ dự án sẽ phối hợp với các đơn vị thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động cũng như áp dụng các biện pháp an toàn trong quá trình thi công nhằm hạn chế tới mức tối đa các tai nạn đáng tiếc có thể xảy ra trong quá trình thi công. Không sử dụng các phương tiện thi công cơ giới không đảm các tiêu chuẩn về môi trường. Không thi công vào thời gian từ 22h đến 6h và từ 11h-13h để tránh ảnh hưởng tiếng ồn đến khu vực xung quanh,...

* *Đối với bụi, khí thải:*

- Xây dựng tường bao xung quanh để che khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thường xuyên phun ẩm khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Xe chở và bãi tập kết nguyên liệu được che chắn để giảm bụi, xe không chở quá tải, không dùng phương tiện, máy móc cũ, hỏng phát sinh nhiều khí thải.

- Không làm việc vào những giờ nghỉ ngơi từ 22h hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau và từ 11h đến 13h.

* *Đối với nước thải:*

- *Nước thải sinh hoạt:*

+ Chủ thầu xây dựng sẽ ưu tiên tuyển dụng công nhân địa phương có điều kiện tự túc ăn ở để hạn chế phát sinh nước thải trên công trường. Tổ chức nhân lực hợp lý theo từng công đoạn thi công.

+ Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ di động gần khu vực lán trại (2m³/bể). Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý hàng ngày.

- *Nước thải từ quá trình xây dựng:*

+ Đơn vị thi công khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước. Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua 06 hố ga lắng cạnh mỗi hố ga có kích thước (1x1x1,5)m, thể tích khoảng 1,5m³.

+ Thường xuyên nạo vét cạnh lắng trong hố ga, nước thải tái sử dụng để dập bụi.

* *Đối với chất thải rắn, CTNH*

- Chất thải rắn xây dựng và rác thải sinh hoạt được thu gom thường xuyên và xử lý theo đúng quy định.

- CTNH thu gom, phân loại và lưu giữ theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý

5.4.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành

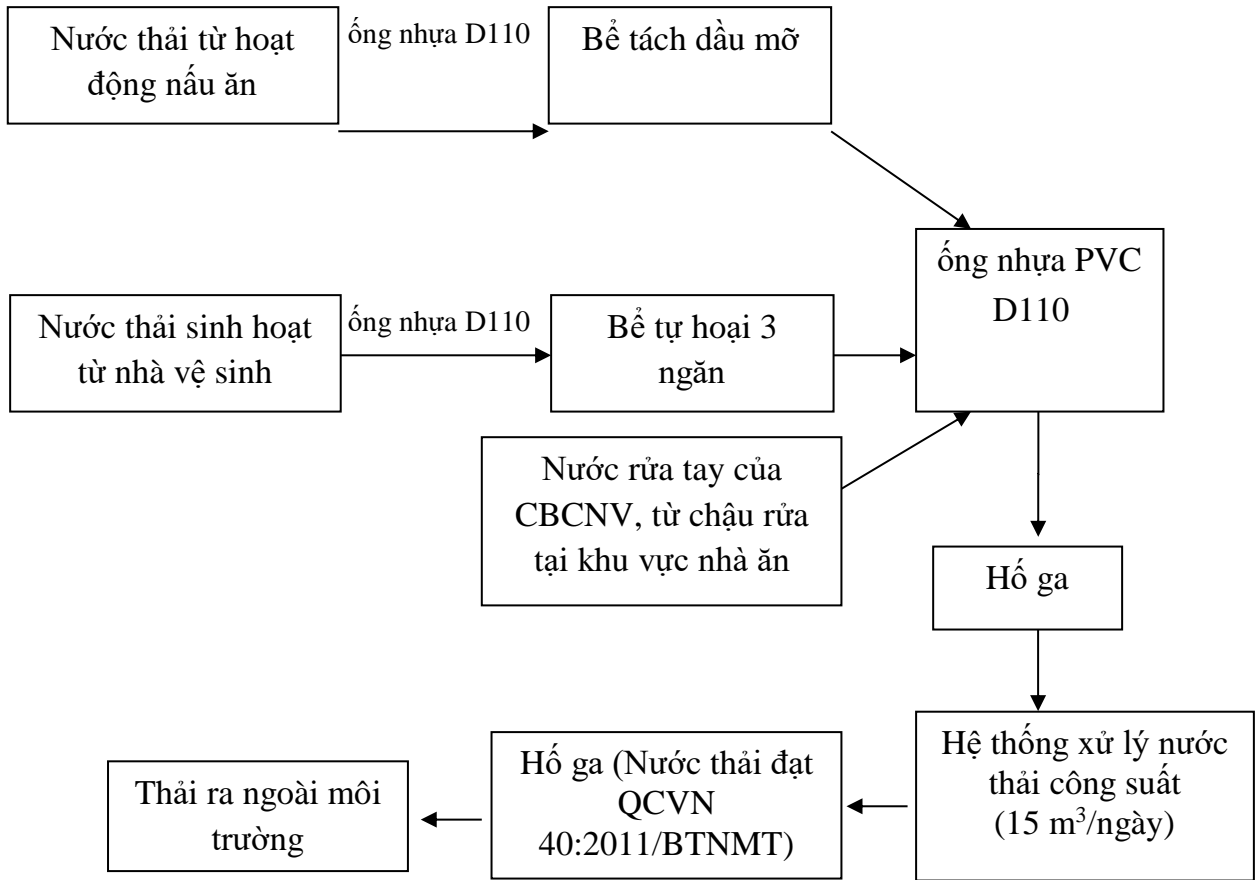
Danh mục các hạng mục công trình của dự án như sau:

TT	Hạng mục bảo vệ môi trường	Đơn vị
1	Thùng chứa rác thải thông thường/ sinh hoạt	10 thùng
2	Thùng chứa CTNH	10 thùng
3	Kho chứa CTNH	50 m ²
4	Kho chứa rác thải công nghiệp thông thường	11 m ²
5	Kho chứa rác thải sinh hoạt	11 m ²
6	Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường	20 m ²
7	Hệ thống thu gom và xử lý bụi, khí thải	03 HT
8	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m ³ /ngày.đêm	01 HT
9	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	01 HT
10	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	01 HT

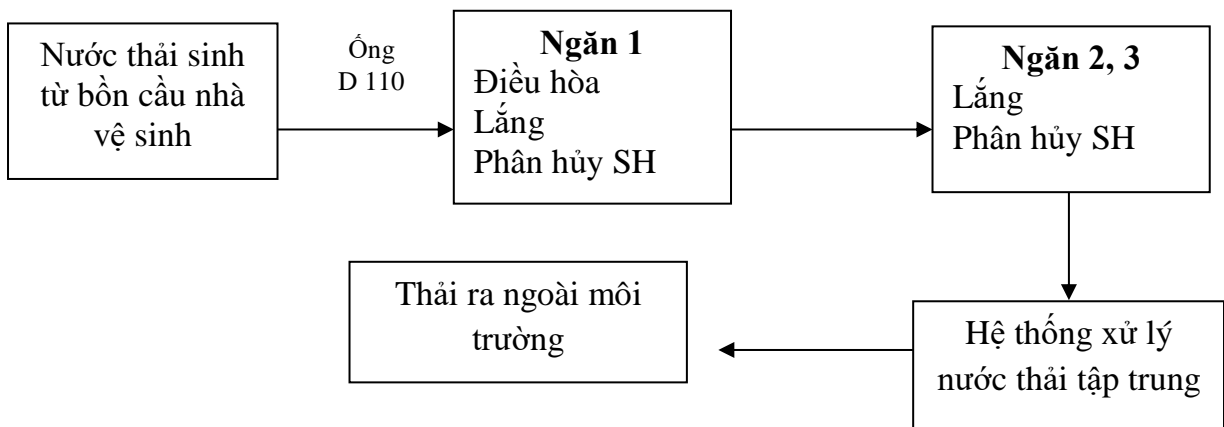
5.4.2.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

Chủ dự án đầu tư hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

Quy trình xử lý nước thải phát sinh của Công ty



- Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt tại bể tự hoại:



Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu theo đường ống D110 về bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời các chức năng: Lắng, phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân hủy, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua ngăn lắng 1 sẽ tiếp tục qua ngăn lắng 2, ngăn 3. Nước thải sau khi xử lý trong bể tự hoại sẽ chảy hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Để bể tự hoại hoạt động hiệu quả, nhà máy thường xuyên thực hiện các biện pháp bổ sung sau:

- ✓ Định kỳ kiểm tra việc vệ sinh, nạo vét bùn cặn trong hệ thống bể tự hoại.
- ✓ Định kỳ (3 - 6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình.

Thiết kế xây dựng bể tự hoại 3 ngăn:

Theo giáo trình “Xử lý nước thải” - PGS.TS Hoàng Huệ - Đại học kiến trúc Hà Nội, thể tích yêu cầu của bể tự hoại được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2$$

Thể tích phân lắng nước: $W_1 = (a \times N \times t)/1000$

Thể tích phần chứa bùn: $W_2 = (b \times N)/1000$

Trong đó: a: Tiêu chuẩn thải nước (=100% lượng nước cấp, theo tính toán ở chương I thì lượng nước thải khoảng 100 lít/người/ngày).

N: số người sử dụng (110 người).

t: thời gian nước lưu trong bể (lấy t = 1 ngày).

b: Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn (khoảng 100 lít/người)

Từ đó, tính được tổng thể tích của các bể tự hoại 3 ngăn tối thiểu cần xây dựng như sau:

$$W = (100 \times 110 \times 1)/1000 + (100 \times 110)/1000 = 22\text{m}^3.$$

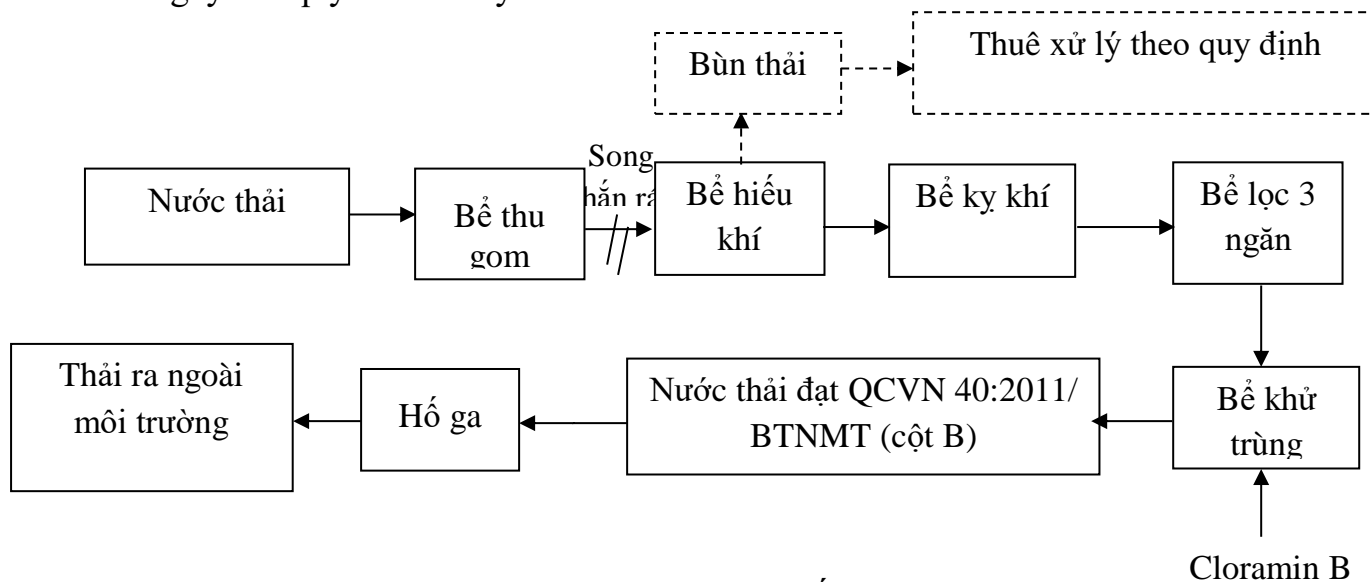
Theo thiết kế thì Nhà máy sẽ xây dựng có 2 bể tự hoại 3 ngăn trong đó 01 bể bố trí dưới nhà vệ sinh công nhân thể tích 15 m³ và 01 bể bố trí dưới nhà điều hành thể tích 10 m³. Như vậy tổng thể tích của 02 bể tự hoại của Công ty là 25 m³ hoàn toàn đảm bảo thời gian lưu chứa và xử lý nước thải trong quá trình dự án đi vào hoạt động.

- *Biện pháp xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn:* Nước thải tại khu vực nhà ăn theo đường ống Φ110 xuống bể tách dầu mỡ gồm 02 ngăn có thể tích 1 m³. Nước thải dẫn vào ngăn chứa thứ nhất của bể tách dầu mỡ thông qua rọ rác được thiết kế bên

trong, cho phép giữ lại các chất rắn như các loại thực phẩm, hay các loại tạp chất khác... Lượng chất thải này được định kỳ được vớt thủ công mang đi xử lý, phần nước sang ngăn thứ 2 và chảy theo đường ống nhựa $\Phi 200$ về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty.

- Quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nhà máy thiết kế và xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày với quy trình xử lý nước thải như sau:



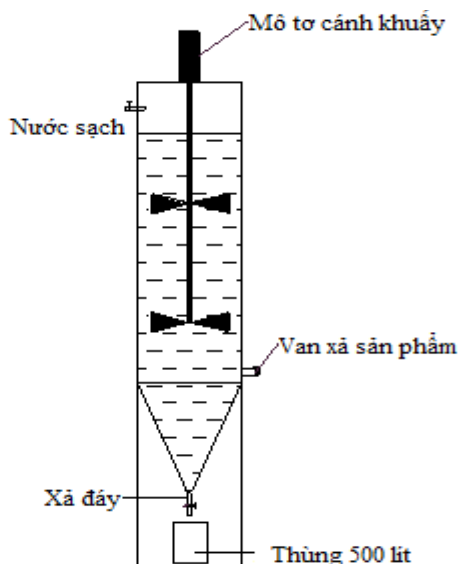
* *Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sản xuất:*

- *Biện pháp thu gom nước thải từ hoạt động rửa tay nhiễm dung môi, chất phụ gia thải:* Dự án quy hoạch khu vực rửa tay tiếp giáp với nhà xưởng về phía Nam. Nước từ hoạt động rửa tay sẽ được thu gom vào thùng chứa thể tích 500 lít sau đó lưu giữ vào kho chứa CTNH.

- *Biện pháp thu gom và xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị:*

Trong quá trình sản xuất sẽ tạo ra nhiều loại sản phẩm có thành phần nguyên liệu hóa chất khác nhau. Vì vậy khi sản xuất sản phẩm sau khác với sản phẩm trước Công ty sẽ sử dụng dung môi pha loãng sơn để tẩy rửa sau đó bơm nước sạch vào để vệ sinh máy móc thiết bị. Máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Nhà máy có thiết kế có van xả đáy, sau quá trình vệ sinh, nước thải sẽ được xả ra thùng chứa nước thải tích 500l. Lượng nước thải này chứa sơn, dung môi được Công ty thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có năng lực đến vận chuyển xử lý như CTNH.

-



Quy trình thu gom nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Toàn bộ lượng nước sử dụng để pha hóa chất xử lý mẫu sau khi phân tích xong sẽ được thải ra ngoài cùng với mẫu phân tích. Toàn bộ mẫu phân tích sẽ được Chủ dự án thu gom vào thùng chứa thể tích 500 lít, Chủ dự án đầu tư 10 thùng chứa 500 lít để lưu chứa mẫu thí nghiệm thải. Toàn bộ lượng chất thải này sau đó được Công ty thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có năng lực đến vận chuyển xử lý như CTNH.

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh bể hấp thụ, bể xử lý nước thải sản xuất:

Định kỳ 01 lần/năm Chủ dự án sẽ thực hiện vệ sinh vệ sinh súc rửa bể hấp thụ, bể xử lý nước thải sản xuất. Toàn bộ lượng nước thải này chứa sơn, dung môi được Chủ dự án thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có năng lực đến vận chuyển xử lý như CTNH.

5.4.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

*** Đối với hoạt động giao thông:**

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện.
 - Quy định vận tốc, trọng tải xe chở nguyên liệu, sản phẩm, không chở quá đầy, có vật liệu che chắn thùng xe để tránh rơi vãi, phát tán ra môi trường xung quanh và trên dọc tuyến đường vận chuyển.

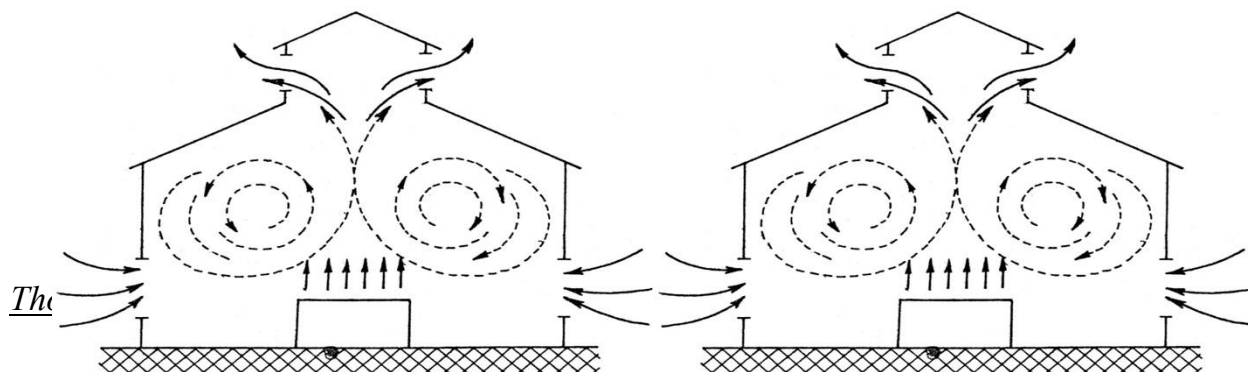
- Cây xanh được trồng dọc tường rào, sân đường nội bộ, trước các tòa nhà và tận dụng tối đa diện tích để chậu cây cảnh, tiểu cảnh,...

*** Đối với hoạt động xử lý bụi, khí thải:**

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải chung trong nhà xưởng như sau:*
 + Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí trong các xưởng sản xuất bằng cách thiết kế nhà xưởng thông thoáng, tăng cường quạt thông gió, chụp hút và dụng cụ, bảo hộ

an toàn lao động ở các không gian làm việc kín như các kho và khu vực sản xuất. Dự án bố trí lắp đặt quạt thông gió trên tường khu vực các xưởng sản xuất, nhà kho.

+ Thông thoáng nhà xưởng tự nhiên là phương pháp lợi dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất và gió giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng. Nguyên lý hoạt động của phương pháp thông gió tự nhiên được mô tả trong hình sau:

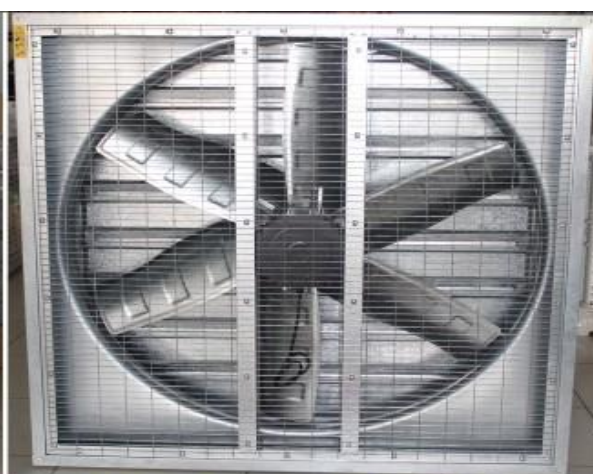


các kho và khu vực sản xuất. Yêu cầu công nhân thường xuyên vệ sinh nhà xưởng. Quạt hút gió có công dụng thông gió, giảm nhiệt, trao đổi không khí và mang lại không khí trong lành cho khu vực làm việc, bảo vệ sức khỏe con người. Quạt hút gió được lắp đặt có tấm lưới và khung bằng thép bảo vệ, không khí từ xưởng qua quạt hút, bụi có kích thước lớn sẽ được giữ lại tại tấm lưới. Định kỳ 6 tháng/lần kiểm tra và làm sạch bụi bám trên bề mặt tấm lưới để quạt hút gió hoạt động với hiệu quả.

- + Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.
- + Trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ lao động như quần áo bảo hộ, găng tay, mũ, giày... cho công nhân.
- + Thường xuyên cung cấp nước mát cho công nhân đặc biệt là công nhân làm việc.
- + Kiểm tra định kỳ sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên trong Nhà máy ít nhất 1 lần/năm.



MẶT TRƯỚC



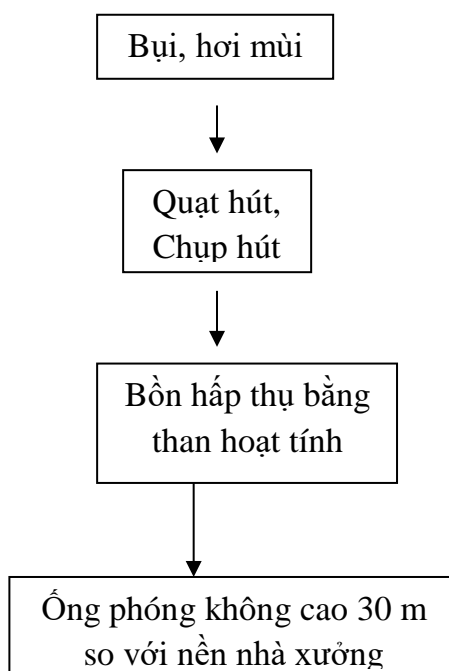
MẶT SAU

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại xưởng sản xuất:*

Mỗi quy trình sản xuất được Công ty đầu tư trang thiết bị máy móc, thiết bị sản xuất gồm máy trộn, máy điều màu, máy mài, thiết bị lọc....được thiết kế có nắp đậy kín bên trên.

Hệ thống đường ống hút, dẫn từ máy móc thiết bị này sang máy móc thiết bị khác là đường ống kín bằng vật liệu không han gỉ. Các khớp nối giữa đường ống với máy móc thiết bị có zoăng để đảm bảo kín toàn bộ. Hơi mùi khí thải hữu cơ chỉ phát sinh khi công nhân mở nắp thùng đựng nguyên liệu để đưa vào hệ thống sản xuất cũng như công đoạn lấy mẫu phân tích chất lượng sản phẩm và công đoạn vệ sinh máy móc thiết bị. Do vậy để giảm thiểu triệt để hơi mùi khí thải tại nhà máy, Chủ dự án sẽ lắp đặt 3 hệ thống thu gom xử lý hơi mùi khí thải trong xưởng sản xuất tại các khu vực phát sinh mùi để thu gom xử lý hơi mùi. Các hệ thống thu gom đều thiết kế chụp hút, quạt hút, đường ống dẫn khí, bồn hấp thụ bằng than hoạt tính. Hơi mùi khí thải sau 3 thiết bị xử lý bằng than hoạt tính sẽ đầu nối và thoát ra ngoài môi trường theo 2 ống phông không.

- Quy trình xử lý như sau:



Ngoài ra, Chủ dự án sẽ còn sử dụng các biện pháp sau:

+ Định kỳ 01 lần/tuần, thực hiện nạo vét bùn cặn tại bể hấp thụ và bể xử lý nước thải sản xuất.

+ Định kỳ 01 lần/năm, thực hiện vệ sinh, súc rửa bể hấp thụ và bể xử lý nước thải sản xuất.

+ Hàng năm định kỳ 03 tháng/lần, Chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thay thế vật liệu hấp phụ là than hoạt tính và đồng thời thu gom, vận chuyển lớp than hoạt tính đã bão hòa đưa đi xử lý như CTNH

+ Thường xuyên bảo dưỡng hệ thống quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

5.4.2.3. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH

Toàn bộ khối lượng chất thải phát sinh từ hoạt động của dự án, Chủ dự án sẽ được thu gom, xử lý trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an

toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Đối với rác thải sinh hoạt, chủ dự án sẽ bố trí thùng chứa rác thải ngay tại nơi phát sinh được đặt tại các khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất (khoảng 5 thùng nhựa thể tích 50 lít có nắp đậy) và đưa về kho chứa rác thải sinh hoạt với diện tích 11 m². Rác thải phát sinh và được thu gom hàng ngày, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương để vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

+ Các chất thải phát sinh từ quá trình kinh doanh như thùng carton, giấy báo, túi nilon, kệ pallet... được thu gom vào kho chứa có diện tích 11 m² bố trí bên trong xưởng sản xuất và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

+ Biện pháp giảm thiểu, xử lý đối với chất thải nguy hại:

Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 50 m². Từng loại chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa riêng và có dẫn mã ghi mã chất thải nguy hại cho từng loại và được kẻ vạch chia ô từng loại chất thải. Tổng số có 10 thùng chứa rác nguy hại, thể tích từ 50-220 lít/thùng để lưu chứa chất thải có khối lượng, kích thước nhỏ. Đối với bao bì kim loại cứng, bao bì nhựa cứng có kích thước lớn được thu gom đặt lên kệ pallet bố trí bên trong kho chứa CTNH, các bao bì này sẽ được trả lại nhà cung cấp.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị được cấp giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

5.4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

❖ Sự cố cháy nổ, chập điện

Để thực hiện tốt công tác PCCC, Chủ dự án sẽ thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành. Các công trình, biện pháp phòng ngừa cháy nổ bao gồm:

- Trang bị bình chữa cháy xách tay đặt trong hộp tại các vị trí dễ thấy tại những khu vực phù hợp.

- Lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn điện cho các thiết bị máy móc sản xuất như hệ thống nối đất, cầu chì, aptomat...

- Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Định kỳ 6 tháng/ lần sẽ tiến hành kiểm tra các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, trình cơ quan có thẩm quyền

phê duyệt.

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy, hàng năm tổ chức huấn luyện nghiệp vụ và diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy.

- Mua bảo hiểm cháy nổ cho Nhà máy.

- Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng nội quy PCCC nơi sản xuất, làm việc và phổ biến cho cán bộ, công nhân trong Nhà máy hiểu biết và nghiêm túc thực hiện.

* *Phòng ngừa bệnh liên quan đến tác nhân nghề nghiệp:*

- Thường xuyên kiểm tra và duy trì hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Cử công nhân quét dọn nhà xưởng sau mỗi ca làm việc.

- Tuyên truyền cho CBCNV nhận thức về tác hại của các bụi sơn, hơi mùi dung môi và đề ra nội quy về an toàn lao động trong quá trình vận hành các thiết bị máy móc.

- Trang bị bảo hộ lao động như quần áo, giày, khẩu trang chống bụi CBCNV.

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe cho CBCNV, định kỳ 1 lần/năm

- Thực hiện đầy đủ chính sách cho người lao động trong nhóm lao động nặng nhọc độc hại.

* *An toàn lao động.*

Để bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất, Chủ dự án kết hợp với CBCNV thực hiện các biện pháp sau:

- Tuyệt đối chấp hành mọi sự chỉ dẫn về an toàn lao động, nội quy phòng cháy, chữa cháy, đặc biệt là vấn đề vệ sinh công nghiệp.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành thiết bị máy móc, quy trình công nghệ, định lượng chính xác nguyên vật liệu, nhiên liệu để giảm bớt lượng chất thải, ổn định thành phần và tính chất của chất thải tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và xử lý chất thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc sản xuất để kịp thời thay thế, sửa chữa,... khi có hỏng hóc.

- Thường xuyên huấn luyện kiến thức về ATLĐ cho người lao động và an toàn hóa chất cho những người trực tiếp tiếp xúc với hóa chất theo quy định.

* *An toàn thực phẩm:*

Thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm. Nếu như trong xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, đồ ăn không đảm bảo vệ sinh thì Chủ dự án sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi chi phí phát sinh như thuốc men, điều trị, viện phí....cho cán bộ công nhân.

Phòng chống sự cố hoá chất:

- Để phòng chống sự cố hoá chất chủ dự án lên kế hoạch bố trí lực lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty để thành lập đội tham gia ứng phó sự cố, lên kế

hoạch, phương pháp tập huấn, giả thuyết nhiều tình huống xảy ra. Trang bị nhiều trang thiết bị phòng chống sự cố.

- Chủ dự án sẽ lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đến cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định và trình phê duyệt theo quy định.

- Định kỳ báo cáo tình hình sử dụng hóa chất đến cơ quan có thẩm quyền.

* *Bố trí lực lượng tham gia ứng phó sự cố hóa chất*

- Ban chỉ huy ứng phó sự cố hóa chất bao gồm:

+ Ban chỉ huy mở rộng bao gồm chính quyền địa phương và các ban ngành có liên quan; ban chỉ huy nội bộ

+ Ban chỉ huy nội bộ: Trưởng ban (Giám đốc công ty) chịu trách nhiệm chỉ huy khi có sự cố xảy ra; Phó ban (tổ trưởng tổ sản xuất) chịu trách nhiệm điều động lực lượng khi có sự cố xảy ra.

- Lực lượng trực tiếp tham gia ứng cứu:

+ Tổ di tản (phối hợp với tổ thông tin liên lạc): Báo động, di tản những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, hướng dẫn thoát hiểm an toàn bằng cửa chính và cửa phụ. Di chuyển tài sản đến nơi an toàn, hành lang bên ngoài.

+ Tổ cứu nạn: Là những thành viên đã được đào tạo hướng dẫn sơ cứu, hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị sơ cứu cho nhân viên. Giúp đỡ và đưa người bị nạn tới khu vực an toàn hoặc đến xe cứu thương để vận chuyển đến bệnh viện. Tổ chức cấp cứu tại chỗ và tiến hành sơ cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

+ Tổ thông tin liên lạc: Kiểm tra số lượng công nhân viên trong khu vực khi xảy ra sự cố. Thông báo cho ban chỉ huy, đội PCCC, công an PCCC và các công ty lân cận khi xảy ra sự cố. Liên hệ với cơ sở y tế, điều động xe đưa người đến cơ sở y tế gần nhất.

* *Trang thiết bị ứng phó sự cố hóa chất:*

Công ty trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, thùng chứa cát, thùng chứa nước, xẻng, xô, mặt nạ phòng độc, găng tay cao su, ủng cao su, tủ thuốc cấp cứu.

* *Nguyên tắc giải quyết ứng phó sự cố hóa chất:*

- Thông báo đến ban chỉ huy để có biện pháp hỗ trợ và giúp ổn định trật tự để ứng phó có hiệu quả.

- Triệu báo ban chỉ huy ứng phó sự cố hóa chất nội bộ: nhanh chóng tổ chức thông báo các bước thực hiện đến từng thành viên của ban chỉ huy. Các bước thực hiện bao gồm:

+ Khi phát hiện sự cố xảy ra, tổ di tản nhanh chóng báo động cho mọi người xung quanh bằng các tín hiệu như còi, kèn, loa....

+ Tổ cứu nạn triển khai phương án cứu người và tài sản trong khu vực nguy hiểm. Tiến hành sơ cứu cho người bị nạn rồi nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất.

+ Dựa vào tình hình thực tế, tổ thông tin liên lạc gọi điện báo cáo với các cơ quan chức năng trong khu vực.

* *Biện pháp phòng ngừa:*

Đề bảo an toàn khi sử dụng hóa chất, chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng quy định đảm bảo an toàn cho người lao động trong khu vực sử dụng hoá chất.

+ Thiết bị chứa hóa có chất lượng tốt, thỏa mãn các yêu cầu sau:

Không bị ăn mòn, không tương tác hóa học với hóa chất

Đảm bảo về độ bền do ma sát khi vận chuyển, có nắp đậy kín, không bị rò rỉ.

+ Quy định cách xếp các hóa chất vào kho để đảm bảo an toàn cho người lao động:

Đối với hàng đóng bao phải xếp trên bục hoặc giá đỡ, cách tường ít nhất 0,5m, hóa chất ký âm phải xếp trên bục cao tối thiểu 0,3m

Hóa chất dạng lỏng được chứa trong thùng can,...và hóa chất dạng khí chứa trong các bình áp lực.

Các lô hóa chất không được xếp sát trần kho.

Thường xuyên kiểm tra các can, thùng,... đựng hóa chất, nếu phát hiện rò rỉ thì cần phải xử lý ngay.

- Phương án khắc phục xử lý hóa chất khi bị rò rỉ, tràn, đổ.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Thông gió khu vực tràn đổ hoá chất, cách ly mọi nguồn đánh lửa, sử dụng cát hoặc đất để hấp thụ hoá chất tràn đổ, sau đó thu gom đất, cát thải này đựng trong thùng chứa chất thải kín.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thông gió khu vực bị tràn, tắt tất cả các nguồn lửa, cô lập khu vực tràn đổ. Sử dụng cát hoặc đất để hấp thụ hoá chất tràn đổ, sau đó thu gom đất, cát đựng trong thùng chứa chất thải kín. Phun nước để rửa sạch, nước thải được thu gom vào thùng chứa và đem đi xử lý, không được thải xuống hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Xây dựng quy trình hướng dẫn, phổ biến cho cán bộ, công nhân về biện pháp xử lý khi gặp sự cố hóa chất như:

+ Khi bị bắn hóa chất vào chân tay cần rửa sạch ngay bằng nước sau đó rửa lại bằng dung dịch soda hay acid acetic.

+ Khi mở chai hóa chất cần chú ý tránh để hóa chất phụt ra ngoài.

+ Hóa chất đã dùng chứa trong các chai, lọ phải dán nhãn tên hoá chất tránh sử dụng nhầm lẫn gây nguy hiểm.

- Người sử dụng hóa chất phải nắm vững tính chất của từng loại hóa chất. Hóa chất đựng trong bình phải có nhãn hiệu rõ ràng.

- Cán bộ phân tích thực hiện nghiêm túc bảo hộ lao động như găng tay cao su, kính mắt, khẩu trang chống độc khi tiếp xúc với hóa chất.

❖ *Sự cố thiên tai*

- *Kế hoạch phòng chống bão, lụt:*

+ Thường xuyên kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện, đặc biệt khi có tin bão có thể xảy ra trên địa bàn.

+ Khi có tin bão có thể xảy ra, lãnh đạo yêu cầu công nhân kê cao hàng hoá, nguyên vật liệu, chằng buộc cửa sổ, cửa ra vào chắc chắn để tránh thiệt hại khi bão xảy ra.

+ Thành lập ban phòng chống bão lụt, triển khai các hoạt động cụ thể trong mùa mưa bão phù hợp với tình hình thực tế.

+ Thường xuyên kiểm tra, khơi thông hệ thống đường cống trong khu vực

- Biện pháp phòng, chống sét:

+ Lắp đặt hệ thống chống sét cho nhà xưởng bao gồm hệ thống kim thu sét, trụ đỡ + dây giăng, cáp thoát sét và cọc tiếp đất.

+ Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong dự án, trạm biến áp,...

+ Hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động được tiếp đất 100% theo đúng quy định an toàn về điện.

+ Định kỳ 1 lần/năm tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chống sét.

* *Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải:*

Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố Chủ dự án sẽ cử cán bộ tìm kiếm nguyên nhân để khắc phục sửa chữa. Ngoài ra Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Sử dụng thiết bị dự phòng để thay thế thiết bị hư hỏng.

- Hóa chất sử dụng đúng chủng loại và đúng tỷ lệ quy định.

- Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

Sau khi khắc phục xong sự cố thì tiếp tục vận hành hệ thống và báo cho sản xuất để hoạt động trở lại bình thường.

* *Sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải của hệ thống xử lý hơi mùi khí thải:*

Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố Chủ dự án sẽ tạm dừng sản xuất để tránh hiện tượng phát sinh hơi mùi khí thải. Đồng thời Chủ dự án tiến hành sửa chữa và kiểm tra ngay toàn bộ hệ thống với các biện pháp sau: Kiểm tra hoạt động của hệ thống quạt hút, kiểm tra chất lượng của lớp than hoạt tính, kiểm tra bể hấp thụ bằng nước vôi trong. Nếu phát hiện vị trí bị hỏng hóc thì tiến hành thay thế ngay. Ngoài ra trong suốt quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án thường xuyên cử cán bộ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường quạt hút, đường ống dẫn khí và thiết bị than hoạt tính.

Định kỳ thay thế lớp than hoạt tính trong thiết bị chứa để tăng hiệu quả của hệ thống xử lý.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

a. Giai đoạn xây dựng

** Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió tại khu vực xây dựng dự án.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: theo các tiêu chuẩn môi trường

Việt Nam.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giai đoạn vận hành dự án

** Giám sát nước thải:*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra (m³/ngày.đêm), pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), clo dư, Tổng N (tính theo N), Tổng P (tính theo P), Sunfua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần (4 lần/ năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,2; Đối với các thông số pH, Coliform thì C_{max} = C).

** Giám sát khí thải:*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 02 vị trí (01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên ống phóng không sau hệ thống xử lý hơi mùi của xưởng sản xuất số 1 và 2; 01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên ống phóng không sau hệ thống xử lý hơi mùi của xưởng sản xuất số 3)

- Thông số quan trắc, giám sát: Lưu lượng; Toluen, Benzen, .

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần (4 lần/ năm).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

**Giám sát chất thải rắn, CTNH:*

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, biện pháp phân loại, thu gom, chứng từ chuyển giao chất thải rắn, chất thải nguy hại,...

- Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN.

Việc đầu tư xây dựng dự án *Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn MY SKILL* phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó Dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện Dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khỏe của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án *Đầu tư xây dựng nhà máy phối trộn sơn MY SKILL*.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn... đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

2. KIẾN NGHỊ.

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án kính đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. CAM KẾT.

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

- Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết sẽ thực hiện về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án cho đến khi kết thúc dự án.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết thu gom và xử lý triệt để toàn bộ CTNH phát sinh từ hoạt động của Công ty.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cam kết xử lý khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ..

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi

